

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 06-5-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Phan;

Ông Vàng A Kỳ;

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Lò Văn P về chung sống với nhau từ năm 2012, sau đó tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 22/6/2020. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12 năm 2022 thì hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng lẫn nhau, chị N và anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Từ lúc chị N và anh P ly thân đến nay giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm đến nhau, chị N không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh Lò Văn P có 01 con chung là Lò Gia B, sinh ngày 22/10/2014. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị N cũng tôn trọng ý kiến của con, con muốn ở với ai thì do con lựa chọn.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn P trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N đúng như chị N đã trình bày. Anh và chị N về chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2020 thì đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Khi về ở với nhau thì hai vợ chồng chung sống bình thường đến cuối năm 2022, đầu năm 2013 thì vợ sòng phát sinh mâu thuẫn cãi vã, không tin tưởng nhau, anh P và chị N đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại anh P vẫn còn tình cảm với chị N nên không nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh P thừa nhận quá trình chung sống có 01 con chung như chị N trình bày, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lò Gia B và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P khai đang làm công nhân ở Thành phố Hà Nội, thu nhập 12.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lò Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân

theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị N và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lò Văn P; Về con chung: Giao con chung là Lò Gia B, sinh ngày 22/10/2014 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị N, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lò Văn P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Ngày 19/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn P tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012 và đến ngày 22/6/2020 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống chị N và anh P không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung do hai vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị N và anh P kéo dài và đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, giữa chị N và anh P không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Đặc biệt chị N không còn tình cảm yêu thương đối với anh P, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh P, trong thời gian ly thân anh P cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm với chị N. Ủy ban nhân dân xã M cũng đã xác định giữa anh P và chị N có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh P đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lò Gia B, sinh ngày 22/10/2014 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị N trình bày chị muốn được trực tiếp nuôi con nhưng chị cũng tôn trọng nguyện vọng của con, nếu cháu B muốn được ở với bố thì chị N cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cháu B trình bày có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của cháu Lò Gia B, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu B cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn P không yêu cầu chị Lò Thị N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lò Văn P.
2. Về con chung: Giao con chung là Lò Gia B, sinh ngày 22/10/2014 cho anh Lò Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lò Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn P không yêu cầu chị Lò Thị N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về chia tài sản chung: Anh Lò Văn P và chị Lò Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Lò Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: BLTU/23/0000885 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Mường Khoa; huyện Tân Uyên.
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Oanh**

